

Số: /HD-VPĐP

Đắk Nông, ngày

HƯỚNG DẪN

Về việc lập hồ sơ, tài liệu minh chứng kết quả đạt các chỉ tiêu, tiêu chí trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh, về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2017 của UBND tỉnh, về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Đắk Nông;

Trên cơ sở đề xuất của các Sở, ban, ngành phụ trách chỉ tiêu, tiêu chí trong bộ tiêu chí xã nông thôn mới. Ngoài kết quả được phản ánh tại báo cáo tự đánh giá của cấp xã, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh hướng dẫn lập hồ sơ, tài liệu để minh chứng kết quả đạt các chỉ tiêu, tiêu chí trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

- Để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, thẩm tra, thẩm định các chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới
- Nhằm minh chứng các kết quả đã đạt các chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới được đánh giá trong báo cáo cấp xã.
- Nhằm tạo thuận lợi, thống nhất trong việc đánh giá các chỉ tiêu, tiêu chí.

2. Yêu cầu

- Hồ sơ minh chứng rõ ràng theo từng chỉ tiêu, tiêu chí trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

- Hồ sơ minh chứng phải được lập trong quá trình triển khai thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới tính đến thời điểm đánh giá đạt chỉ tiêu, tiêu chí.

- Hồ sơ minh chứng được lưu tại Ban quản lý các Chương trình MTQG cấp xã.

II. THỜI GIAN, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

1. Thời gian: Áp dụng từ năm 2020

2. Đối tượng thực hiện: Tất cả các xã, các huyện, thành phố Gia Nghĩa trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

3. Phương pháp thực hiện:

- Hồ sơ minh chứng được xây dựng trong quá trình thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới khi có kết quả; tổng hợp từ các tổ chức, đơn vị có liên quan các chỉ tiêu, tiêu chí.

- Việc lưu trữ hồ sơ minh chứng theo thứ tự từ tiêu chí số 01 đến tiêu chí số 19.

III. NỘI DUNG HỒ SƠ, TÀI LIỆU MINH CHỨNG

1. Tiêu chí số 01 về Quy hoạch

1.1. Tiêu chuẩn đạt chuẩn:

- Chỉ tiêu 1.1. Có Quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và công bố công khai đúng thời hạn.

- Chỉ tiêu 1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

1.2. Lập hồ sơ minh chứng kết quả đạt tiêu chí số 01 về Quy hoạch:

- Quyết định phê duyệt quy hoạch nông thôn mới của xã hoặc Quy hoạch điều chỉnh phù hợp với phát triển kinh tế xã hội cấp huyện.

- Quyết định ban hành Quy chế quản lý quy hoạch nông thôn mới của xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

2. Tiêu chí số 02 về Giao thông

2.1. Tiêu chuẩn đạt chuẩn:

- Chỉ tiêu 2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, đạt 100% đối với xã Khu vực I; đạt 90% đối với xã Khu vực II; đạt 80% đối với xã Khu vực III.

- Chỉ tiêu 2.2. Đường trục thôn, bon, buôn, bản và đường liên thôn, bon, buôn, bản, ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, đạt $\geq 70\%$ đối với xã Khu vực I; đạt $\geq 65\%$ đối với xã Khu vực II; đạt $\geq 60\%$ đối với xã Khu vực III.

- Chi tiêu 2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa, đạt 100% ($\geq 50\%$ cứng hóa) đối với xã Khu vực I; đạt 90% ($\geq 45\%$ cứng hóa) đối với xã Khu vực II; đạt 80% ($\geq 40\%$ cứng hóa) đối với xã Khu vực III.

- Chi tiêu 2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, tỷ lệ mặt đường được cứng hóa đạt $\geq 70\%$ đối với xã Khu vực I; đạt $\geq 65\%$ đối với xã Khu vực II; đạt $\geq 60\%$ đối với xã Khu vực III. (Mặt đường được cứng hóa bằng bê tông xi măng, đá dăm láng nhựa, đá dăm, cấp phối đá dăm, đá thải từ mỏ đá, cấp phối thiên nhiên).

2.2. Lập hồ sơ minh chứng kết quả đạt tiêu chí số 02 về về Giao thông

a) Lập danh mục cần đầu tư để đảm bảo hoàn thành tiêu chí số 02 về giao thông:

UBND xã căn cứ danh mục các loại đường đã được công bố và các quy định tiêu chí số 02 về giao thông, lập danh mục đường đã được đầu tư và cần đầu tư xây dựng để đảm bảo hoàn thành tiêu chí số 02 về giao thông theo biểu mẫu tại Mẫu 03 Phụ lục 01 đính kèm (có xác nhận của UBND huyện).

b) Kết quả thực hiện:

- Trên cơ sở kết quả đầu tư xây dựng theo danh mục đường tại Mẫu 03 Phụ lục 01, UBND xã tổ chức mời UBND huyện đi kiểm tra, xác nhận đối với đường xã theo mẫu Biên bản tại Mẫu 01 Phụ lục 01 đính kèm; và mời Thôn (Bon) đi kiểm tra, xác nhận đối với các đường thôn, bon, đường ngõ, xóm và đường trục chính nội đồng theo mẫu Biên bản tại Mẫu 02 Phụ lục 01 đính kèm.

- Trên cơ sở danh mục đường tại Mẫu 03, kết quả kiểm tra, xác nhận của các đơn vị có liên quan tại Mẫu 01 và 02, UBND xã lập báo cáo và đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí số 02 về giao thông trên địa bàn xã; tổng hợp số liệu về đường xã, đường thôn, bon, đường ngõ, xóm và đường trục chính nội đồng theo Mẫu 04, 05, 06 Phụ lục 01 đính kèm.

3. Tiêu chí số 03 về Thủy lợi

3.1. Tiêu chuẩn đạt chuẩn:

- Chi tiêu 3.1. Tỷ lệ diện tích cây trồng có nhu cầu được đảm bảo tưới, tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.

- Chi tiêu 3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

3.2. Lập hồ sơ minh chứng kết quả đạt tiêu chí số 03 về Thủy lợi

- Quyết định thành lập Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã; Quy chế hoạt động của Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã; Quyết định phân công nhiệm vụ các thành viên Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã;

- Danh sách tập huấn phòng chống thiên tai hàng năm;

- Quyết định thành lập đội xung kích phòng chống thiên tai (nòng cốt là dân quân tự vệ);

- Kế hoạch Phòng chống thiên tai hàng năm và 5 năm do Trưởng ban - Chủ tịch UBND xã phê duyệt;

- Phương án ứng phó với thiên tai hàng năm do Chủ tịch UBND xã phê duyệt;

- Bảng thống kê trang thiết bị phương tiện của chính quyền địa phương và cộng đồng cho công tác phòng ngừa và ứng phó phòng chống thiên tai trên địa bàn xã;

- Thống kê số vật tư, lương thực, nhu yếu phẩm khả năng có thể có để phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn xã.

4. Tiêu chí số 4 về điện:

4.1. Tiêu chuẩn đạt chuẩn:

- Chỉ tiêu 4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn

- Chỉ tiêu 4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn, đạt $\geq 98\%$.

4.2. Lập hồ sơ minh chứng kết quả đạt tiêu chí số 04 về điện:

- Tổng hợp tình hình sử dụng điện (tổng hợp theo từng thôn, bon) có xác nhận của UBND xã;

- Ý kiến của ngành Điện lực.

5. Tiêu chí số 5 về trường học:

5.1. Tiêu chuẩn đạt chuẩn:

Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, Trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia, đạt $\geq 70\%$.

5.2. Lập hồ sơ minh chứng kết quả đạt tiêu chí số 05 về trường học:

- Đối với các trường đã được UBND tỉnh công nhận trường đạt chuẩn quốc gia thì cung cấp Quyết định của UBND tỉnh công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

- Đối với các trường đã được công nhận có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia thì cung cấp Biên bản kiểm tra hoặc Quyết định công nhận của cấp thẩm quyền kiểm tra và công nhận trường có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.

6. Tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa:

6.1. Tiêu chuẩn đạt chuẩn:

- Chỉ tiêu 6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.

- Chỉ tiêu 6.2. Xã có địa điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

- Chỉ tiêu 6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.

6.2. Lập hồ sơ minh chứng kết quả đạt tiêu chí số 06 về cơ sở vật chất văn hóa:

- Đối với các xã đã có Trung tâm Văn hóa mà chưa có sân thể thao thì phải có hồ sơ quy hoạch sân thể thao theo quy định (hồ sơ quy hoạch sử dụng đất, vị trí, diện tích...).

- Danh sách các điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi, trong đó thống kê rõ các điểm này do cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức, cá nhân nào quản lý (ví dụ điểm vui chơi trẻ trong trường mầm non, hoặc điểm vui chơi giải trí do ông A, bà B.. đầu tư xây dựng) và nếu có nhân dân vào sinh hoạt thì có mất phí (lệ phí) hay không?.

- Thống kê cơ sở vật chất, trang thiết bị của các nhà văn hóa - khu thể thao thôn, bon, buôn, bản và được UBND xã xác nhận;

- Quyết định thành lập Ban quản lý nhà văn hóa, khu thể thao thôn.

7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

7.1. Tiêu chuẩn đạt chuẩn:

Xã đạt tiêu chí khi có chợ nông thôn hoặc mua bán, trao đổi hàng hóa.

7.2. Lập hồ sơ minh chứng kết quả đạt tiêu chí số 07 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

- Chủ trương đầu tư chợ, Thuyết minh dự án được phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền, Bảng nội quy chợ được phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền, Quyết định thành lập Ban quản lý chợ, tổ quản lý chợ (đối với chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước);

- Đối với nơi mua bán, trao đổi hàng hóa (siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi): Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Danh mục hàng hóa kinh doanh; Giấy phép xây dựng; Các giấy chứng nhận đảm bảo yêu cầu phòng cháy chữa cháy, vệ sinh, đảm bảo an toàn an ninh.

8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông:

8.1. Tiêu chuẩn đạt chuẩn:

- Chỉ tiêu 8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính.

- Chỉ tiêu 8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, Internet.

- Chỉ tiêu 8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn đáp ứng yêu cầu.

- Chỉ tiêu 8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành.

8.2. Lập hồ sơ minh chứng kết quả đạt tiêu chí số 08 về Thông tin và truyền thông:

- Quyết định thành lập của các điểm phục vụ bưu chính;

- Giấy phép sử dụng thiết bị và tần số VTĐ (đối với hệ thống đài truyền thanh vô tuyến); Quy chế hoạt động của Đài Truyền thanh, trong đó quy định cụ thể Chương trình, thời lượng, thời gian phát thanh theo tình hình cụ thể của địa phương;

9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư:

9.1. Tiêu chuẩn đạt chuẩn:

- Chỉ tiêu 9.1. Trên địa bàn không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, nhà dột nát.

- Chỉ tiêu 9.2. Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định $\geq 75\%$.

9.2. Lập hồ sơ minh chứng kết quả đạt tiêu chí số 09 về Nhà ở dân cư:

Có biên bản kê khai về nhà ở đối với từng thôn và có xác nhận của cấp có thẩm quyền.

10. Tiêu chí số 10 về thu nhập:

10.1. Tiêu chuẩn đạt chuẩn:

Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người/năm)

+ Năm 2017 ≥ 31 triệu đồng/ người/năm.

+ Năm 2018 ≥ 35 triệu đồng/ người/năm.

+ Năm 2019 ≥ 38 triệu đồng/ người/năm.

+ Năm 2020 ≥ 41 triệu đồng/ người/năm.

10.2. Lập hồ sơ minh chứng kết quả đạt tiêu chí số 10 về thu nhập:

Hồ sơ công tác đánh giá thu nhập hàng năm của xã

11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo:

11.1. Tiêu chuẩn đạt chuẩn:

Xã đạt tiêu chí khi có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 $\leq 7\%$.

11.2. Lập hồ sơ minh chứng kết quả đạt tiêu chí số 11 về Hộ nghèo:

Quyết định công nhận hộ nghèo hàng năm trên địa bàn xã.

12. Tiêu chí số 12 về lao động có việc làm:

12.1. Tiêu chuẩn đạt chuẩn:

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt từ 90% trở lên.

12.2. Lập hồ sơ minh chứng kết quả đạt tiêu chí số 12 về lao động có việc làm:

Danh sách những lao động không có việc làm trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.

13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất:

13.1. Tiêu chuẩn đạt chuẩn:

- Chỉ tiêu 13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Chỉ tiêu 13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.

13.2. Lập hồ sơ minh chứng kết quả đạt tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất:

- Giấy đăng ký kinh doanh của Hợp tác xã (hoặc Có giấy chứng nhận hợp tác xã tổ chức hoạt động lại theo Luật Hợp tác xã 2012 đối với hợp tác xã thành lập trước năm 2012); Báo cáo tài chính của hợp tác xã 02 năm gần nhất; Danh sách các thành viên hợp tác xã có xác nhận của Hội đồng quản trị hợp tác xã;

- Hợp đồng liên kết gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực (Hợp đồng thu mua, hợp đồng cung ứng vật tư, hợp đồng tiêu thụ nông sản ...).

14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo:

14.1. Tiêu chuẩn đạt chuẩn:

- Chỉ tiêu 14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở

- Chỉ tiêu 14.2. Tỷ lệ học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp), đạt $\geq 70\%$.

- Chỉ tiêu 14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo, đạt $\geq 25\%$.

14.2. Lập hồ sơ minh chứng kết quả đạt tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo:

Quyết định công nhận các xã đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở của các huyện, thành phố hoặc biên bản kiểm tra Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở của các huyện, thành phố vào thời điểm tháng 12 hàng năm.

15. Tiêu chí số 15 về Y tế:

15.1. Tiêu chuẩn đạt chuẩn:

- Chỉ tiêu 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 85% trở lên.

- Chỉ tiêu 15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

- Chỉ tiêu 15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) $\leq 31,4\%$.

15.2. Lập hồ sơ minh chứng kết quả đạt tiêu chí số 15 về Y tế:

- Quyết định công nhận xã, phường đạt và duy trì tiêu chí quốc gia về y tế của Ủy ban nhân dân tỉnh

- Căn cứ chỉ tiêu của Sở y tế giao cho từng huyện và chỉ tiêu huyện giao cho từng xã; Kết quả được thẩm định dựa trên kết quả đo trẻ em <5 tuổi trong đợt cân đo 1/6 hàng năm dưới sự giám sát của Trung tâm y tế huyện, thành phố; Đánh giá tỷ lệ trẻ <2 tuổi được theo dõi tăng trưởng hàng tháng, quý... (theo Quyết định số 4667), hồ sơ gồm: kế hoạch hoạt động, kế hoạch cân đo và các kế hoạch liên quan công tác tuyên thông trước chiến dịch, quyết định giao chỉ tiêu và danh sách trẻ được điều tra trước ngày 1/6 hàng năm, danh sách kết quả trẻ được cân đo theo quy định, biên bản giám sát hỗ trợ của tuyến trên, biểu đồ theo dõi tăng trưởng của từng trẻ.

16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa:

16.1. Tiêu chuẩn đạt chuẩn:

Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định, đạt $\geq 70\%$.

16.2. Lập hồ sơ minh chứng kết quả đạt tiêu chí số 16 về Văn hóa:

Quyết định công nhận thôn, bon, buôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa hàng năm hoặc giai đoạn.

17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm:

17.1. Tiêu chuẩn đạt chuẩn:

- Chỉ tiêu 17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh $\geq 95\%$ (trong đó $\geq 50\%$ nước sạch).

- Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo theo quy định về môi trường, đạt 100%.

- Chỉ tiêu 17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.

- Chỉ tiêu 17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

- Chỉ tiêu 17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.

- Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch, đạt $\geq 70\%$.

- Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt $\geq 60\%$.

- Chỉ tiêu 17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, đạt 100%.

17.2. Lập hồ sơ minh chứng kết quả đạt tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm:

a) *Chỉ tiêu 17.1*

Danh sách hộ sử dụng nước, các công trình cấp nước theo mẫu 01, 02, 03 của Phụ lục 02.

b) *Chỉ tiêu 17.2 (Theo mẫu 02 phụ lục 02).*

c) *Chỉ tiêu 17.3 (Theo mục 22 của Hướng dẫn này).*

d) *Chỉ tiêu 17.4 (Theo mục 22 của Hướng dẫn này).*

e) *Chỉ tiêu 17.5*

- Phương án thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt: đơn vị thu gom, số lượng phương tiện, cách thức vận chuyển, cách thức phân loại, tần suất, lịch trình thu gom đối với từng cụm dân cư, vị trí các điểm trung chuyển;

- Quyết định công nhận hương ước, quy ước thôn, tổ dân phố ... (bản photo).

f) *Chỉ tiêu 17.6*

- Danh sách số hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh;

- Biểu tổng hợp các hộ gia đình thực hiện cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch" (Biểu 01 mẫu 03 phụ lục 02- sử dụng tại chi/tổ hội);

- Biểu tổng hợp các đơn vị thực hiện Cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch" (Biểu 02 mẫu 03 phụ lục 02 - sử dụng tại cấp xã, huyện, tỉnh);

- Biên bản họp bình xét hộ gia đình đạt các tiêu chí Cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch" (Biểu 03 mẫu 03 phụ lục 02 sử dụng tại chi/tổ hội).

g) *Xã đạt chỉ tiêu 17.7*

Danh sách các hộ chăn nuôi trên địa bàn (Theo mẫu 04 phụ lục 02)

h) *Xã đạt chỉ tiêu 17.8*

- *Lĩnh vực công thương:*

+ Đối với doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm do sở Công Thương cấp;

+ Đối với doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm phải cung cấp một trong các Giấy chứng nhận sau: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực;

+ Đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ; sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định; Sơ chế nhỏ lẻ; Kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ; Kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn; Sản xuất, kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm: Phải thực hiện việc gửi bản cam kết đến UBND các huyện, thành phố.

- *Lĩnh vực Nông nghiệp:*

+ Đối với hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo nội dung Quyết định 03/2020/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc "ban hành quy định phân cấp quản lý nhà nước đối với các cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Đắk Nông" đề đánh giá thì phải có bản thống kê danh sách hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã thực hiện ký cam kết tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định. Phải có thống kê danh sách hộ gia đình sản xuất, kinh doanh theo hướng dẫn tại Biểu 01 mẫu 05 phụ lục 02 kèm theo;

+ Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm được thực hiện theo phân cấp quản lý tại Quyết định 360/QĐ-UBND ngày 22/03/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc "ban hành quy định cơ quan thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Đắk Nông" thì phải có danh sách thống kê theo biểu mẫu hướng dẫn tại Biểu 02 mẫu 05 phụ lục 02 kèm theo.

- *Lĩnh vực Y tế:* Không cần hồ sơ minh chứng.

18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:

18.1. Tiêu chuẩn đạt chuẩn:

- Chỉ tiêu 18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định.
- Chỉ tiêu 18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.
- Chỉ tiêu 18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”
- Chỉ tiêu 18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên, đạt 100%.
- Chỉ tiêu 18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.
- Chỉ tiêu 18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

18.2. Lập hồ sơ minh chứng kết quả đạt tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:

- Chỉ tiêu 18.1. Có bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận: Trình độ Văn hóa, trình độ chuyên môn, quản lý nhà nước, lý luận chính trị;
- Chỉ tiêu 18.2. Có quyết định phê duyệt, bầu, chuẩn y các tổ chức: Hội cựu chiến binh, Hội nông dân, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Ủy ban mặt trận tổ quốc, Hội chữ thập đỏ, Hội người cao tuổi;
- Chỉ tiêu 18.3. Có Quyết định đánh giá của cấp có thẩm quyền hàng năm;
- Chỉ tiêu 18.4. Có Quyết định đánh giá của cấp có thẩm quyền hàng năm;

- Chỉ tiêu 18.5. Có Quyết định công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của Chủ tịch UBND cấp huyện;

- Chỉ tiêu 18.6. Không cần minh chứng.

19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh:

19.1. Tiêu chuẩn đạt chuẩn:

- Chỉ tiêu 19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “Vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

- Chỉ tiêu 19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

19.2. Lập hồ sơ minh chứng kết quả đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh:

a) Chỉ tiêu 19.1. Danh sách cán bộ, chiến sỹ dân quân là đảng viên; Kết quả quy hoạch, tạo nguồn, bố trí sử dụng cán bộ Ban chỉ huy quân sự xã; Kết quả bảo đảm trang thiết bị chuyên ngành quân sự tại trụ sở hoặc phòng làm việc của Ban chỉ huy quân sự xã; Kết quả đăng ký, quản lý dân quân; Hồ sơ huấn luyện dân quân; Kết quả xây dựng, hoạt động của lực lượng dân quân; Hệ thống văn kiện, kế hoạch hoạt động của Ban chỉ huy quân sự xã; Kết quả bảo đảm vật chất huấn luyện, công cụ hỗ trợ, vũ khí thô sơ tự tạo; Kết quả thực hiện công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, thực hiện công tác tuyển sinh quân sự; Danh sách đăng ký quản lý quân nhân dự bị, danh sách đăng ký quản lý phương tiện kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân; Kết quả xây dựng, quản lý đơn vị dự bị động viên; Kết quả hoạt động của Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh cấp xã.

b) Chỉ tiêu 19.2:

- Có Nghị quyết của Đảng ủy, Kế hoạch của UBND xã về công tác bảo đảm an ninh trật tự trong năm.

- Có hồ sơ mô hình tổ chức quần chúng tham gia phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở cơ sở.

- Quyết định của UBND huyện công nhận xã đạt tiêu chuẩn "an toàn về an ninh, trật tự" theo Thông tư số 23/2012/TT-BCA, ngày 27/4/2012 của Bộ công an quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn "an toàn về an ninh, trật tự".

20. Nợ đọng xây dựng cơ bản

20.1. Tiêu chuẩn đạt chuẩn:

Xã không có nợ đọng xây dựng cơ bản trên địa bàn xã

20.2. Lập hồ sơ minh chứng kết quả đạt tiêu chí Nợ đọng xây dựng cơ bản.

Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

21. Chỉ số sự hài lòng của người dân

21.1. Điều kiện đạt chuẩn:

- Kết quả của việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân phải được thực hiện ít nhất 70% số hộ gia đình của các thôn, xóm (khu dân cư) trong xã.
- Từ câu hỏi số 01 đến câu 18 phải đạt trên 80% số hộ được lấy ý kiến hài lòng; câu hỏi số 19 phải đạt trên 90% số hộ được lấy ý kiến hài lòng.

21.2. Lập hồ sơ minh chứng kết quả đạt tiêu chí Chỉ số sự Hài lòng của người dân

Hồ sơ thực hiện việc lấy ý kiến chỉ số sự hài lòng của người dân do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện thực hiện.

22. Hình ảnh, video minh chứng

a) Ban quản lý cấp xã chụp hình ảnh, quay video về kết quả thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới như sau:

- Tiêu chí số 01: Hình ảnh về công bố quy hoạch ít nhất 02 hình ảnh.
- Tiêu chí số 02: Hình ảnh hệ thống đường xã, đường thôn bon, đường ngõ xóm, đường trục chính nội đồng ít nhất 04 hình ảnh.
- Tiêu chí số 03: Hình ảnh các hệ thống kênh mương, hồ đập... ít nhất 02 hình ảnh.
- Tiêu chí số 4: Hình ảnh hệ thống điện (ban ngày và ban đêm) có thể kết hợp với tiêu chí số 2 ít nhất 02 hình ảnh.
- Tiêu chí số 5, 14: Hình ảnh trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở các hình ảnh trang thiết bị dạy học ... ít nhất 04 hình ảnh.
- Tiêu chí số 6: Hình ảnh trung tâm văn hóa xã, khu thể thao xã, các điểm vui chơi giải trí cho trẻ em và người già, hình ảnh đại diện các nhà văn hóa thôn ít nhất 05 hình ảnh.
- Tiêu chí số 7: Hình ảnh tổng quan về chợ, hình ảnh niêm yết nội quy chợ
- Tiêu chí số 8: Hình ảnh phục vụ bưu chính, hình ảnh các dịch vụ viễn thông internet, hình ảnh đài truyền thanh xã, hình ảnh đại diện loa đến các thôn, hình ảnh các phần mềm ứng dụng công nghệ ít nhất 05 hình ảnh.
- Tiêu chí số 9: Hình ảnh tổng quan về khu dân cư ít nhất 02 hình ảnh.
- Tiêu chí số 10, 11, 12, 13: Hình ảnh các mô hình phát triển sản xuất cây trồng, vật nuôi, trang trại, Văn phòng Hợp tác xã, ...hình ảnh ký kết Hợp đồng liên kết sản xuất, ít nhất 10 hình ảnh.
- Tiêu chí số 15: Hình ảnh trạm y tế xã, hình ảnh lễ công bố quyết định công nhận xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế, ít nhất 02 hình ảnh.

- Tiêu chí số 16: Hình ảnh các công trào thôn, bon văn hóa, hình ảnh các hoạt động văn hóa thể thao, lễ hội ở cấp xã, cấp thôn ít nhất 05 hình ảnh.

- Tiêu chí số 17: hình ảnh các công trình cấp nước tập trung; hình ảnh các cơ sở sản xuất kinh doanh; hình ảnh thể hiện cảnh quan xanh sạch đẹp; hình ảnh về nghĩa trang; hình ảnh hoạt động phân loại, thu gom, xử lý rác thải; hình ảnh các hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước; hình ảnh trang trại chăn nuôi ... ít nhất 12 hình ảnh.

- Tiêu chí số 19: Hình ảnh huấn luyện dân quân, trang thiết bị huấn luyện; hình ảnh tuyên quân, giao quân. Hình ảnh các mô hình quần chúng tham gia phòng chống tội phạm; hình ảnh các camera an ninh (nếu có)... ít nhất 06 hình ảnh.

c) Sau khi Ban quản lý cấp xã chuẩn bị các hình ảnh (tại mục a) thì triển khai làm 01 video hoặc trình chiếu PowerPoint để trình chiếu tại buổi kiểm tra, giám sát, thẩm tra, thẩm định và lưu các hình ảnh, video trong USB kèm vào hồ sơ làm minh chứng, UBND xã không phải in các hình ảnh kèm vào hồ sơ.

Ngoài các hình ảnh theo các tiêu chí như trên Ban quản lý cấp xã có thể quay video phóng sự phản ánh tổng thể quá trình triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới (*khuyến khích các xã đạt 19 tiêu chí làm phóng sự trình chiếu tại buổi thẩm tra, thẩm định xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới*).

Trên đây là Hướng dẫn lập hồ sơ minh chứng kết quả đạt các chỉ tiêu, tiêu chí trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông./.

Nơi nhận:

- TB, các PTB BCĐ tỉnh (thay b/c);
- Các Sở, ban, ngành (để biết);
- UBND các huyện, TP (Chỉ đạo t/h);
- VPĐP các huyện, TP (P/h);
- UBND các xã (thực hiện);
- Lưu: VT, VPĐP (N).

**KT.CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG CHUYÊN TRÁCH**

Phan Văn Sinh

Phụ lục 01
CÁC MẪU BIỂU VỀ TIÊU CHÍ GIAO THÔNG

Mẫu 01: Kèm tiêu chí số 02 về Giao thông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN XÁC NHẬN

Về kết quả đầu tư xây dựng và tình trạng khai thác, sử dụng hệ thống đường xã
do UBND xã quản lý

Vào lúc giờ phút, ngày tháng năm, tại UBND xã
....., chúng tôi gồm có:

I. Thành phần:

1. UBND huyện

- Ông: Chức vụ:

- Ông: Chức vụ:

2. UBND xã

- Ông: Chức vụ:

- Ông: Chức vụ:

II. Nội dung làm việc:

Căn cứ các Tiêu chuẩn kỹ thuật, Quyết định, Hướng dẫn về đường giao thông nông thôn và danh mục đường xã đã được đầu tư và cần đầu tư xây dựng để hoàn thành tiêu chí số 02 về giao thông tại Mục A Phụ lục 01, do UBND xã quản lý.

Sau khi kiểm tra thực tế hiện trường, chúng tôi cùng thống nhất xác nhận kết quả đầu tư xây dựng và tình trạng khai thác, sử dụng của các đường xã do UBND xã quản lý như Phụ lục 2.1 kèm theo.

Buổi làm việc kết thúc lúc giờ phút cùng ngày. Biên bản này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau. UBND huyện giữ 01 bản, UBND xã giữ 02 bản./.

UBND HUYỆN

UBND XÃ

Mẫu 02: Kèm tiêu chí số 02 về Giao thông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN XÁC NHẬN

Về kết quả đầu tư xây dựng và tình trạng khai thác, sử dụng hệ thống đường
thôn, bon, ngõ, xóm, trục chính nội đồng do UBND xã quản lý

Vào lúc giờ phút, ngày tháng năm, tại UBND xã
....., chúng tôi gồm có:

I. Thành phần:

1. Đại diện UBND xã

- Ông: Chức vụ:

- Ông: Chức vụ:

2. Đại diện Thôn (Bon)

- Ông: Chức vụ:

II. Nội dung làm việc:

Căn cứ các Tiêu chuẩn kỹ thuật, Quyết định và Hướng dẫn về đường giao
thông nông thôn và danh mục đường thôn, bon, ngõ, xóm, trục chính nội đồng đã
được đầu tư và cần đầu tư xây dựng để hoàn thành tiêu chí số 02 về giao thông
tại Mục B, C, D Phụ lục 01, do UBND xã quản lý.

Sau khi kiểm tra thực tế hiện trường, chúng tôi cùng thống nhất xác nhận
kết quả đầu tư xây dựng và tình trạng khai thác, sử dụng của các đường thôn,
bon, ngõ, xóm, trục chính nội đồng do UBND xã quản lý như Phụ lục 2.2
kèm theo.

Buổi làm việc kết thúc lúc giờ phút cùng ngày. Biên bản này
được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau. UBND xã giữ 02 bản,
Thôn (Bon) giữ 01 bản./.

ĐD. UBND XÃ

ĐD. THÔN (BON)

...	...														
D	Đường trục chính nội đồng														
1	Đường														
2	Đường														
...	...														

NGƯỜI LẬP
(Ký và ghi rõ họ tên)

UBND XÃ
(Ký tên và đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA UBND HUYỆN
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu 04: Kèm tiêu chí số 02 về Giao thông

Biểu 02: KẾT QUẢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG XÃ

Xã:

STT	Tên đường	Chiều dài (Km)	Số Km đường đã được đầu tư xây dựng trước thời điểm đăng ký xã đạt chuẩn NTM				Số Km đường được đầu tư xây dựng hoàn thành sau thời điểm đăng ký xã đạt chuẩn NTM				Tỷ lệ cứng hóa (%)	Tình trạng khai thác, sử dụng của các tuyến đường đã được ĐTXD trước thời điểm đăng ký xã đạt chuẩn NTM
			Bê tông xi măng	Bê tông nhựa	Láng nhựa	Tổng cộng	Bê tông xi măng	Bê tông nhựa	Láng nhựa	Tổng cộng		
	1	2	3	4	5	$6=3+4+5$	7	8	9	$10=7+8+9$	$11=(6+10)/2$	12
	TỔNG CỘNG:											
1	Đường											Tình trạng mặt đường còn tốt, đảm bảo khả năng khai thác bình thường, hoặc tình trạng mặt đường đã hư hỏng, xuống cấp, cần phải được đầu tư sửa chữa, hoặc xây dựng mới
2	Đường											
...	...											

ĐD. UBND HUYỆN

(Ký tên và đóng dấu)

ĐD. UBND XÃ

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Đối với các tuyến đường xã đã được đầu tư nhựa hóa, bê tông hóa (hoặc chưa được đầu tư xây dựng để đạt chuẩn) trước thời điểm đăng ký xã đạt chuẩn NTM cũng đưa vào để đánh giá tình trạng khai thác, sử dụng của tuyến đường.

															
...	...															
C	Đường trục chính nội đồng															
1	Đường															
2	Đường															
...	...															

ĐD. UBND XÃ

(Ký tên và đóng dấu)

ĐD. THÔN (BON)

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Đối với các tuyến đường thôn, bon, ngõ, xóm, trục chính nội đồng đã được đầu tư cứng hóa (hoặc chưa được đầu tư xây dựng để đạt chuẩn) trước thời điểm đăng ký xã đạt chuẩn NTM cũng đưa vào để đánh giá tình trạng khai thác, sử dụng của tuyến đường.

Mẫu 06: Kèm tiêu chí số 02 về Giao thông

Biểu 04: TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ SỐ 02 VỀ GIAO THÔNG

Xã:

STT	Tên đường	Chiều dài (Km)	Kết cấu mặt đường (Km)						Tổng số Km đã được cứng hóa	Tỷ lệ cứng hóa (%)	Số Km đã được cứng hóa trong năm báo cáo	Kết quả đánh giá (đạt/ chưa đạt)	Ghi chú	
			Bê tông xi măng	Bê tông nhựa	Láng nhựa	Cấp phối đá dăm	Đất cấp phối tự nhiên	Khác						
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9/2	11	12	13	
A	Đường xã								9=3+4+5					
1	Đường													
2	Đường													
...	...													
B	Đường thôn, bon								9=3+4+5+6+7					
1	Đường													
2	Đường													
...	...													
C	Đường ngõ, xóm								9=3+4+5+6+7					
1	Đường													
2	Đường													
...	...													
D	Đường trục chính nội đồng								9=3+4+5+6+7					
1	Đường													
2	Đường													
...	...													

(*) Ghi chú: Các đơn vị cũng có thể tách riêng bảng thống kê số liệu cho từng loại đường quản lý.

NGƯỜI LẬP
(Ký và ghi rõ họ tên)

UBND XÃ
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 02
CÁC MẪU BIỂU VỀ TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Mẫu 01: kèm chỉ tiêu 17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định

Biểu 01: Cấp thôn
Đánh hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt hộ gia đình năm.....

Stt	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước				
			Nước sạch	Nước hợp vệ sinh*	Công trình CNTT**	Công trình CNNL***			
						Giếng khoan	Giếng đào	Nước mưa	Các nguồn khác (nước mặt,...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)			
1	Nguyễn Văn A		1	1	1				
2	Trần Thị B			1		1			
3	Phạm Ngọc C	1		0			1		
4									
5									
6									
7									
8									
	Tổng								

Ghi họ tên chủ hộ

Đánh số 1 vào dòng tương ứng với cột (2) nếu là hộ nghèo

Đánh số 1 vào các ô tương ứng; Nếu các Hộ đã sử dụng nước sạch thì đương nhiên là HVS nên đánh dấu cả 2; Hộ nào chưa được sử dụng nước sạch-HVS đánh số 0.

Đối với Hộ sử dụng nhiều nguồn nước cùng lúc thì chọn nguồn thường xuyên nhất

Công trình cấp nước nhỏ lẻ gồm: giếng đào, giếng khoan, nước mưa và các nguồn nước khác (nước sông, suối, mạch lộ,...)

Ghi chú: * Bao gồm cả các HGD sử dụng nước sạch từ công trình CNTT và CNNL

Mẫu 01: kèm chỉ tiêu 17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định

Biểu 02: Cấp xã

Tổng hợp tình hình sử dụng nước sinh hoạt năm.....

Xã....., huyện....., tỉnh.....

TT	Tên thôn	Tổng số HGD	Tỷ lệ (%) HGD sử dụng nước sạch					Tỷ lệ (%) HGD sử dụng nước HVS*					Hộ nghèo				
			Tỷ lệ sử dụng từ công trình CNTT		Tỷ lệ sử dụng từ công trình CNL		Tổng	Tỷ lệ sử dụng từ công trình CNTT		Tỷ lệ sử dụng từ công trình CNL		Tổng	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ (%) hộ nghèo sử dụng nước sạch		Tỷ lệ (%) Hộ nghèo sử dụng nước HVS	
			Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ		Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ			Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Thôn 1	312	205	66%	20	6%	72%	205	66%	97	31%	97%	14	9	64%	13	93%
2	Thôn 2	139															
3	Thôn 3	179															
4																	
5																	
6																	
7																	
8																	
	Tổng	451	205	66%	30	6%	72%	205	66	97	31%	97%	14	9	64%	5	93%

Chia tỷ lệ cho cột (5), (7), (10), (12), (16), (18)
X 100

$$\frac{\text{Số hộ}}{\text{Tổng số hộ}}$$

Tổng của (8) = (5) + (7)
Tổng của (13) = (10) + (12)

Ghi chú: * Bao gồm cả các HGD sử dụng nước sạch từ công trình CNTT và CNL

Mẫu 01: kèm chỉ tiêu 17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định

Biểu 03: Cấp xã*

Cập nhật mô hình quản lý, loại hình và hiệu quả sử dụng của công trình Cấp nước tập trung

Stt	Công trình	Loại hình		Công suất**			Loại hình quản lý				
		Bơm dẫn	Tự chảy	Thiết kế	Sử dụng thực tế	Tỷ lệ % đầu nổi	Cộng đồng	HTX	Đơn vị SNCT***	Doanh nghiệp	Khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Trạm nước thôn Hòa Lợi		1	250	125	50%		1			
2	Nhà máy nước Phú An	1		5,000	4,111	82%				1	
3	Trạm nước Phú Đồi	1		1,500	1,567	104%			1		
4											
5											
6											
7											
8											
	Tổng										

Đánh số 1 vào ô tương ứng

Kết quả từ cột này được thống kê thành 3 mức: Số công trình có công suất từ 250 trở xuống; từ 251-1000; và trên 1.000

Chia tỷ lệ cho cột (7)

$\frac{\text{Sử dụng thực tế (6)}}{\text{Thiết kế (5)}}$

Đánh số 1 vào ô tương ứng

*Cấp xã cập nhật các công trình nội xã

**Số đầu nổi /hộ sử dụng theo thiết kế và số đầu nổi sử dụng thực tế tại thời điểm đánh giá;

***Sự nghiệp có thu

Mẫu 02: kèm tiêu chí 17.2 Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường

DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT- KINH DOANH, NUÔI TRỒNG THỦY SẢN, LÀNG NGHỀ

<i>Stt</i>	<i>Tên cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Số điện thoại liên hệ</i>	<i>Loại hình sản xuất/ kinh doanh</i>	<i>Hồ sơ về thủ tục môi trường</i>
<i>1</i>					
<i>2</i>					
<i>.....</i>					

Mẫu 03: kèm chỉ tiêu số 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.

Biểu 01

Tên đơn vị:

Tổng số hộ gia đình:.....

DANH SÁCH TỔNG HỢP HỘ GIA ĐÌNH THỰC HIỆN CUỘC VẬN ĐỘNG “XÂY DỰNG GIA ĐÌNH 5 KHÔNG, 3 SẠCH”

(Dành cho Tổ/Chi hội)

NĂM.....

TT	Họ và tên	Nội dung												Đạt 8 tiêu chí
		Tiêu chí 1		Tiêu chí 2		Tiêu chí 3		Tiêu chí 4		Tiêu chí 5		Tiêu chí 3 sạch		
		Đăng ký	Kết quả (đạt)	Đăng ký	Kết quả (đạt)	Đăng ký	Kết quả (đạt)	Đăng ký	Kết quả (đạt)	Đăng ký	Kết quả (đạt)	Đăng ký	Kết quả (đạt)	
1	Ngô thị A													
	...													
Tổng

Ghi chú:

Tiêu chí 1: Gia đình không đói nghèo

Tiêu chí 2: Gia đình không vi phạm pháp luật và TNXH

Tiêu chí 3: Gia đình không có bạo lực

Tiêu chí 4: Gia đình không có trẻ suy dinh dưỡng và bỏ học

Tiêu chí 5: Gia đình không vi phạm chính sách dân số

Tiêu chí 3 sạch: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ

Hướng dẫn sử dụng phiếu: Chi hội trưởng/phó cho hội viên đăng kí theo từng tiêu chí, đăng kí tiêu chí nào thì đánh dấu X vào ô tiêu chí đó. Cuối năm dựa trên kết quả bình xét đánh dấu X vào cột kết quả của từng tiêu chí. Hộ gia đình nào đạt 8 tiêu chí, đánh dấu X vào cột đạt 8 tiêu chí. Dòng “Tổng” cuối cùng là tổng số người đăng ký và kết quả đạt được tương ứng theo từng cột. Danh sách tổng hợp gửi lên Hội LHPN xã/phường/thị trấn để theo dõi, tổng hợp.

Mẫu 03: kèm chỉ tiêu số 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.

Biểu 02

Tên đơn vị:.....

Tổng số hộ gia đình:.....

BIỂU THEO TỔNG HỢP CÁC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN CUỘC VẬN ĐỘNG “XÂY DỰNG GIA ĐÌNH 5 KHÔNG, 3 SẠCH”

(Dành cho cấp xã/phường/thị trấn, huyện/tp và tỉnh)

NĂM.....

TT	Đơn vị	Nội dung												Đạt 8 tiêu chí
		Tiêu chí 1		Tiêu chí 2		Tiêu chí 3		Tiêu chí 4		Tiêu chí 5		Tiêu chí 3 sạch		
		Đăng ký	Kết quả (đạt)	Đăng ký	Kết quả (đạt)	Đăng ký	Kết quả (đạt)	Đăng ký	Kết quả (đạt)	Đăng ký	Kết quả (đạt)	Đăng ký	Kết quả (đạt)	
1	Thôn 1	122	122	122	122	122	122	122	122	122	122	122	122	122
	...													
2	Phường 1	110	109	110	108	110	110	110	105	110	110	110	110	105
Tổng

Ghi chú:

Tiêu chí 1: Gia đình không đói nghèo

Tiêu chí 2: Gia đình không vi phạm pháp luật và TNXH

Tiêu chí 3: Gia đình không có bạo lực

Tiêu chí 4: Gia đình không có trẻ suy dinh dưỡng và bỏ học

Tiêu chí 5: Gia đình không vi phạm chính sách dân số

Tiêu chí 3 sạch: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ

Hướng dẫn sử dụng phiếu: Hội LHPN từng cấp tổng hợp số hộ đăng kí theo từng tiêu chí. Cuối năm dựa trên kết quả theo dõi, đánh giá của Hội LHPN cấp dưới tổng hợp số hộ đạt vào cột kết quả của từng tiêu chí và tổng số hộ đạt 8 tiêu chí.

Mẫu 03: kèm chỉ tiêu số 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.

Biểu 03

ĐƠN VỊ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

**BIÊN BẢN HỌP BÌNH XÉT
HỘ GIA ĐÌNH ĐẠT CÁC TIÊU CHÍ CUỘC VẬN ĐỘNG
NĂM:.....**

Thời gian: vào lúcgiờ phút, ngàythángnăm

Địa điểm:

Thành phần:.....

Đơn vị.....tiến hành họp bình xét hộ gia đình đạt các tiêu chí của Cuộc vận động “*Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch*”, kết quả như sau:

Stt	Hộ gia đình	Nội dung các tiêu chí						Đạt 8 tiêu chí
		Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	TC 3 sạch	
01	Ngô Thị A	x	x	x	x	x	x	x
...								
Tổng

Biên bản được thông qua vào lúc.....h.....ngày.....tháng.....năm

Thư ký

(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 04: kèm chỉ tiêu số 17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường

DANH SÁCH CÁC HỘ CHĂN NUÔI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

Stt	Tên hộ	Địa chỉ	Số điện thoại liên hệ	Loại hình chăn nuôi

Mẫu 05: kèm chỉ tiêu 17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

Biểu 01

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH, CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM THỰC HIỆN KÝ CAM KẾT ATTP

STT	Tên hộ SX/KD	Loại hình SX/KD	Địa chỉ	Ngày ký cam kết	Ngày kiểm tra
01	Nguyễn A	Trồng trọt...	...	10/4/2020	...
02	Nguyễn B	Chăn nuôi...
03	Nguyễn C	Kinh doanh...
04

* Lưu ý: Khi thống kê cơ sở phải tính tỷ lệ cơ sở đã thực hiện ký cam kết trên tổng số cơ sở quản lý trên địa bàn và hồ sơ ký cam kết kèm theo.

Đắk Nông, ngày...tháng...năm 2020

Người lập biểu

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
Ký tên, đóng dấu

Mẫu 05: kèm chỉ tiêu 17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

Biểu 02

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM NÔNG, LÂM, THỦY SẢN ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ATTP

STT	Cơ sở SX/KD	Loại hình SX/KD	Địa chỉ	Số cấp	Ngày cấp
01	Hộ KD A	Kinh doanh nông sản	...	01/2019/NNP TNT-ĐNo	02/3/2019
02	Cơ sở	Chế biến chanh dây	...	02/2019/NNP TNT-ĐNo	...
03	Công ty	Kinh doanh..
04

* Lưu ý: Khi thống kê cơ sở phải tính tỷ lệ cơ sở đã thực hiện cấp giấy trên tổng số cơ sở quản lý trên địa bàn (kể cả cấp tỉnh và huyện cấp quản lý)

Đắk Nông, ngày...tháng...năm 2020

Người lập biểu

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
Ký tên, đóng dấu